

**CÔNG TY CỔ PHẦN XE ĐIỆN PONY VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XE ĐIỆN PONY VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PONY VIET NAM ELECTRIC VEHICLES  
JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: PONY VIETNAM

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110059976

**3. Ngày thành lập:** 13/07/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Yên Vinh, Xã Thanh Lâm, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0399836345

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>(Trừ đầu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4511     |
| 2.  | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4512     |
| 3.  | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác<br>(Trừ đầu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4513     |
| 4.  | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết: + Sửa chữa phần cơ, phần điện, hệ thống đánh lửa tự động,<br>+ Bảo dưỡng thông thường,<br>+ Sửa chữa thân xe,<br>+ Sửa chữa các bộ phận của ô tô,<br>+ Rửa xe, đánh bóng, phun và sơn,<br>+ Sửa tấm chắn và cửa sổ,<br>+ Sửa ghế, đệm và nội thất ô tô,<br>+ Sửa chữa, bơm vá xăm, lốp ô tô, lắp đặt hoặc thay thế,<br>+ Xử lý chống gỉ,<br>+ Lắp đặt, thay phụ tùng và các bộ phận phụ trợ không thuộc công đoạn sản xuất;<br>- Hoạt động bảo dưỡng và sửa chữa xe có động cơ khác:<br>+ Sửa chữa phần cơ, phần điện, các bộ phận khác của xe có động cơ khác,<br>+ Bảo dưỡng thông thường,<br>+ Sửa chữa thân xe,<br>+ Rửa xe, đánh bóng, phun và sơn,<br>+ Sửa chữa, bơm vá xăm, lốp lắp đặt hoặc thay thế,<br>+ Xử lý chống gỉ,<br>+ Lắp đặt, thay phụ tùng và các bộ phận phụ trợ không thuộc công đoạn sản xuất. | 4520     |

|     |                                                                                                                                                                                                                   |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 5.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>(Trừ đấu giá)                                                                                                                               | 4530        |
| 6.  | Bán mô tô, xe máy<br>(Trừ đấu giá)                                                                                                                                                                                | 4541(Chính) |
| 7.  | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                                                                                                                                                               | 4542        |
| 8.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy<br>(Trừ đấu giá)<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy<br>- Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy | 4543        |
| 9.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(Không bao gồm hoạt động của các đấu giá viên)<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa                                                                                             | 4610        |
| 10. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>(Trừ bán buôn dược phẩm)<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn xe đạp (kể cả xe đạp điện) và phụ tùng của xe đạp                                                                       | 4649        |
| 11. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>(trừ hoạt động đấu giá độc lập)<br>Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa                                                             | 8299        |
| 12. | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết: Cho thuê ô tô<br>Cho thuê xe có động cơ khác                                                                                                                                  | 7710        |
| 13. | Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                         | 4730        |
| 14. | Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                               | 2910        |
| 15. | Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc                                                                                                                                               | 2920        |
| 16. | Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                            | 2930        |
| 17. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>(trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                             | 4789        |
| 18. | Sản xuất mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                            | 3091        |
| 19. | Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                              | 3099        |

|     |                                                                                                                                                                                                                      |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 20. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ vàng bạc, súng, đạn, tem và tiền kim khí)<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ xe đạp, kể cả xe đạp điện;<br>- Bán lẻ phụ tùng xe đạp, kể cả phụ tùng xe đạp điện. | 4773 |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|

**6. Vốn điều lệ:** 900.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 90.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông        | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|--------------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THANH TUYỀN | Thôn Giáp Nhì, Xã Yên Minh, Huyện ý Yên, Tỉnh Nam Định, Việt Nam       | Cổ phần phổ thông         | 45.000     | 450.000.000           | 50,000    | 036090002462                                                                                |         |
|     |                    |                                                                        | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                        | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                        | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                        | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                        | Tổng số                   | 45.000     | 450.000.000           | 50,000    |                                                                                             |         |

|   |                       |                                                                        |                           |        |             |        |              |  |
|---|-----------------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|--------------|--|
| 2 | NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG | Thôn Yên Vinh, Xã Thanh Lâm, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 22.500 | 225.000.000 | 25,000 | 001192002831 |  |
|   |                       |                                                                        | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |                       |                                                                        | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |                       |                                                                        | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |                       |                                                                        | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |                       |                                                                        | Tổng số                   | 22.500 | 225.000.000 | 25,000 |              |  |
| 3 | NGUYỄN DUY THANH      | Thôn Giáp Nhì, Xã Yên Minh, Huyện ý Yên, Tỉnh Nam Định, Việt Nam       | Cổ phần phổ thông         | 22.500 | 225.000.000 | 25,000 | 036088002604 |  |
|   |                       |                                                                        | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |                       |                                                                        | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |                       |                                                                        | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |                       |                                                                        | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |                       |                                                                        | Tổng số                   | 22.500 | 225.000.000 | 25,000 |              |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 14/09/1992

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001192002831

Ngày cấp: 26/01/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Yên Vinh, Xã Thanh Lâm, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Yên Vinh, Xã Thanh Lâm, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội